

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 66/2018/HS-PT
Ngày: 15 – 8 – 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Vân

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Duy Lâm

Bà Trần Thị Kim Sang

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Bảo Vân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Hoàng Việt – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 68/2018/TLPT-HS ngày 22 tháng 6 năm 2018 đối với các bị cáo Lê Thành Q do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 11/2018/HS-ST ngày 16 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Tây Ninh.

Bị cáo có kháng cáo:

Lê Thành Q, sinh năm 1977, tại tỉnh Tây Ninh. Nơi cư trú: Ấp K, xã C, huyện D, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không có; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn R (chết) và bà Dương Thị N; có vợ là Lý Thị G và 02 con; tiền án, tiền sự: Không có. Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 27/9/2017 đến nay. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 17/8/2017, Nguyễn Văn C điều khiển xe mô tô chở Lê Thành Q đi đến bờ kênh TN02A thuộc khu vực ấp B, xã P, huyện D, tỉnh Tây Ninh thì phát hiện xe mô tô 70E1-172.96 không có người trông coi. Q xuống xe tiếp cận tài

sản, dùng đoản tự chế bẻ khóa trộm xe đi. Khoảng 15 phút sau, Q điện thoại báo với C đã trộm được xe và hẹn gặp nhau cùng đi Campuchia bán xe. Bán được 4.700.000 đồng, Q lấy 3.000.000 đồng, chia cho C 1.700.000 đồng.

Khoảng 21 giờ ngày 09/9/2017, Hồ Phi L cùng T gặp C và Q tại khu vực ngã 4 T, huyện G nên rủ rê tụ tập uống cà phê. Tại quán cà phê, tất cả bàn bạc, thống nhất kế hoạch cùng nhau đến Nông trường cao su G trộm xe mô tô của bảo vệ, cụ thể C và L làm nhiệm vụ lái xe chở Q và T đến nơi, đồng thời phải cảnh giới để đồng phạm thực hiện tội phạm. Khi đến cách chốt bảo vệ khoảng 500m, T và Q xuống xe vào, C và L chạy xe đi tiếp. Đến khoảng 02 giờ ngày 10/9/2017, Q điện thoại báo cho C biết đã trộm được xe mô tô biển số 70F1-317.90 của bảo vệ. T bán xe được 11.000.000 đồng, lấy 6.500.000 đồng còn 4.500.000 đồng chia cho Q. Sau đó Q và C chia nhau mỗi người lấy 2.000.000 đồng, còn 500.000 đồng để tiêu xài chung. T chia cho L 700.000 đồng.

Ngoài ra, L khai còn cùng Q thực hiện 08 vụ trộm khác, C khai cùng Q thực hiện 06 vụ trộm khác nhưng Q không thừa nhận. Cơ quan điều tra không thu thập được chứng cứ chứng minh.

Kết luận định giá của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự kết luận: Xe mô tô Yamaha Sirius biển số 70E1-172.96 trị giá 11.970.000 đồng. Xe mô tô Honda Wave biển số 70F1-317.90 trị giá 12.700.000 đồng.

Bản án số 11/2018/HS-ST ngày 16/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Lê Thành Q phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Thành Q 04 (bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 27/9/2017.

Ngoài ra, án còn tuyên về tội danh và hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Văn C và Hồ Phi L, biện pháp tư pháp, nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí, và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 29/5/2018, bị cáo Lê Thành Q có đơn kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo giữ nguyên kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo xin được giảm hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Lê Thành Q khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định: Ngày 17/8/2017, tại bờ kênh TN02A thuộc khu vực ấp B, xã P, huyện D, tỉnh Tây Ninh, Lê Thành Q và Nguyễn Văn C cùng nhau trộm xe mô tô 70E1-172.96, bán được 4.700.000 đồng. Ngày 09/9/2017, tại Nông trường cao su G, sau khi đã có sự bàn bạc thống nhất và phân chia vai trò cụ thể của từng người, Q, C, T và Hồ Phi L cùng trộm xe mô tô biển số 70F1-317.90 của bảo vệ nông trường, bán được 11.000.000 đồng. Tổng cộng, Q hưởng lợi được 5.000.000 đồng và cùng C hưởng thêm 500.000 đồng. Kết luận định giá xác định tổng giá trị 02 xe mô tô là 24.670.000 đồng. Cấp sơ thẩm tuyên bố bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản” với tình tiết định khung “Phạm tội có tổ chức” theo điểm a khoản 2 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 là có căn cứ, đúng pháp luật.

Vụ án có tính chất nghiêm trọng, hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Xét tính chất, mức độ nguy hiểm do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, thấy rằng: Bị cáo nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là sai trái nhưng vì động cơ ích kỷ cá nhân muốn có tiền tiêu xài nên bị cáo đã cố ý thực hiện tội phạm. Bản thân bị cáo là người tự chế đoán bẻ khóa, đồng thời giữ vai trò là người thực hành, trước khi phạm tội còn chủ động bàn bạc, phân định vai trò, cấu kết chặt chẽ với các đồng phạm. Vì vậy, cần xử lý nghiêm bị cáo để đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt, thấy rằng: Trong quá trình giải quyết vụ án bị cáo đã thành khẩn khai báo thể hiện thái độ ăn năn hối cải, ngoài ra còn có mẹ là bà Dương Thị N được tặng thưởng huân chương kháng chiến. Bị cáo đã 02 lần thực hiện hành vi phạm tội, thuộc trường hợp phạm tội từ 02 lần trở lên. Cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và tình tiết tăng nặng quy định tại điểm điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự là có cơ sở, xử phạt bị cáo 04 (bốn) năm tù là phù hợp, không nặng. Bị cáo kháng cáo nhưng không đưa ra được tình tiết giảm nhẹ mới nên không có căn cứ chấp nhận. Giữ nguyên án sơ thẩm.

[3] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận, bị cáo phải chịu án phí phúc thẩm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điểm a Khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Thành Q. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

1. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2015;

Xử phạt bị cáo Lê Thành Q 04 (bốn) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 27/9/2017.

2. Về án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo Lê Thành Q phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh TN;
- CQHSHNVCS CA huyện;
- TAND cấp huyện;
- VKSND cấp huyện;
- Bị cáo;
- Lưu THS, hồ sơ vụ án.

(đã ký)

Nguyễn Thị Tuyết Vân